

THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	ACB	395.800.482	386.300.482
2	FPT	106.156.440	98.156.440
3	HDB	360.707.341	349.207.341
4	HPG	346.620.950	331.620.950
5	MBB	235.752.871	220.752.871
6	MSN	60.917.121	52.917.121
7	MWG	77.778.475	68.678.475
8	SHB	359.734.039	348.234.039
9	STB	129.408.435	120.308.435
10	TCB	313.879.805	300.879.805
11	VHM	99.978.735	96.578.735
12	VIB	162.925.657	151.425.657
13	VIC	211.005.918	208.705.918
14	VNM	61.824.474	55.024.474
15	VPB	364.408.566	351.408.566
16	VRE	81.065.383	71.565.383

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 14/08/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.845.531.449	484.553.144	386.300.482
2	FPT	1.714.326.422	1.379.518.471	137.951.847	98.156.440
3	HDB	5.005.276.323	3.830.037.442	383.003.744	349.207.341
4	HPG	8.442.964.520	4.763.520.582	476.352.058	331.620.950
5	LPB	2.987.282.100	2.639.263.735	263.926.373	256.376.450
6	MBB	8.054.999.909	3.648.914.958	364.891.495	220.752.871
7	MSN	1.460.374.611	825.987.879	82.598.787	52.917.121
8	MWG	1.475.765.646	1.104.315.432	110.431.543	68.678.475
9	SHB	5.343.703.838	3.822.885.725	382.288.572	348.234.039
10	SSB	3.428.800.000	1.809.377.760	180.937.776	174.727.876
11	SSI	2.501.097.752	1.661.229.126	166.122.912	166.122.912
12	STB	1.885.215.716	1.730.250.984	173.025.098	120.308.435
13	TCB	7.086.240.414	3.825.152.575	382.515.257	300.879.805
14	VHM	4.107.412.004	1.161.165.373	116.116.537	96.578.735
15	VIB	3.404.005.710	1.859.608.319	185.960.831	151.425.657
16	VIC	7.762.186.429	2.155.559.171	215.555.917	208.705.918
17	VJC	769.092.961	249.416.847	24.941.684	23.926.649
18	VNM	2.089.955.445	811.947.690	81.194.769	55.024.474

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
19	VPB	7.933.923.601	4.187.524.876	418.752.487	351.408.566
20	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	71.565.383